

Bản án số: 102/2023/DS-PT

Ngày: 22-6-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Lê Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2023/TLPT ngày 11/5/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972

Địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Quốc C, sinh năm 1973

Địa chỉ: 420 quốc lộ 14, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Thanh H, sinh năm 1974 và ông Trần Hữu V, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Lê Hồng P, sinh năm 1968

Địa chỉ: 160, Lý Thường Kiệt, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phan Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Quốc C trình bày: Bà L quen biết vợ chồng bà H ông V nhiều năm nay, vợ chồng bà H ông V có nhà đất đối diện Sở điện lực tỉnh Bình Phước, biết bà L có tiền, vì cần tiền đầu tư mua đất nên bà H ông V có hỏi vay tiền bà L với mức lãi suất 3%/tháng, bà L đồng ý cho vay nhiều lần (4 lần) tổng số tiền vay 2.300.000.000đ như sau:

Ngày 19/01/2020 vay bà L số tiền 500.000.000đồng (bà H ông V đưa cho bà L 1 bản phô tô giấy CNQSD đất số CS 09138, DT 754,2m có nhà đang ở do sở TNMT Bình Phước cấp 23/06/2017 đứng tên bà H để làm tin có tài sản trả nợ nhưng chỉ là bản phô tô và không có thỏa thuận gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết).

Ngày 01/10/2020 vay bà L tiếp số tiền 900.000.000đ

Ngày 10/11/2020 vay bà L tiếp số tiền 600.000.000đ

Ngày 12/11/2020 vay bà L tiếp số tiền 300.000.000đ

Lần vay sau này bà H ông V hứa vay 03 tháng sẽ trả đủ gốc và lãi. Nhưng sau khi vay, tức từ tháng 12/2020 cho đến nay vẫn không trả cả tiền lãi và tiền gốc. Bà L đã nhiều lần đòi nợ có nhắn tin Zalo thể hiện, bà H, ông V hứa trả dần nhưng lại cố tình kéo dài không trả.

Đến ngày 17/09/2021 bà L đòi nợ và yêu cầu vợ chồng bà H, ông V viết giấy mượn tiền hẹn đến tháng 01/2022 trả nhưng vẫn không trả, qua nhắn tin ngày 06/01/2022 thì bà H nhắn lại nói hiện tại nhà đất đang tranh chấp đến khi nào giải quyết xong thì sẽ trả tiền vay cho bà L.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà H, ông V có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà L số tiền gốc đã vay là 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) và tiền lãi trên tổng khoản vay trên từ tháng 01/2021 cho đến nay tháng 02/2023 với lãi suất 10%/năm cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn ông Trần Hữu V: Vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Thanh H – ông Lê Hồng P - trình bày:

Tôi được bà Phan Thị Thanh H ủy quyền để tham gia vào vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Về việc bà H, ông V vay tiền của bà L như nguyên đơn đã trình bày và các giấy vay tiền có trong hồ sơ là:

Tổng số tiền vay 2.300.000.000đồng, cụ thể:

Ngày 19/01/2020 vay số tiền 500.000.000 đồng

Ngày 01/10/2020 vay tiếp số tiền 900.000.000 đồng

Ngày 10/11/2020 vay tiếp số tiền 600.000.000đồng

Ngày 12/11/2020 vay số tiền 300.000.000đồng

Bà H có đưa cho bà L một giấy CNQSD đất nhưng chỉ là bản phô tô và cũng không có thỏa thuận gì về việc thế chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà H và ông V đã ly hôn theo bản án số 40/2022/HNGĐ – ST ngày 29/8/2022 của TAND thành phố Đ, hiện ông V đi đâu, làm gì, sống ở đâu bà H không rõ, không biết.

Do vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bị đơn ông Trần Hữu V và bà Phan Thị Thanh H phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 2.300.000.000đồng và tiền lãi tính đến hết tháng 02/2023 là 477.250.000đồng bằng tổng số tiền là 2.777.250.000đồng.

Ông Trần Hữu V và bà Phan Thị Thanh H còn phải trả cho bà L khoản tiền lãi tính từ tháng 3/2023 trên số nợ gốc chưa trả với mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 15/3/2023 bị đơn bà Phan Thị Thanh H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa một phần bản án theo hướng: bà H yêu cầu phân hóa cụ thể trách nhiệm dân sự đối với bà H và ông Trần Hữu V, mỗi người phải trả số tiền vay gốc và lãi là $\frac{1}{2}$ trên tổng số gốc lãi.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến đã trình bày không bổ sung gì thêm; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Thanh H làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp quy định tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ngày 19/01/2020 ông V, bà H đã ký “giấy mượn tiền” để vay của bà L số tiền là 500.000.000đồng; ngày 01/10/2020 tiếp tục cả ông V và bà H lại cùng ký vào “giấy mượn tiền” để vay số tiền 900.000.000đồng và ngày 10/11/2020 vay số tiền 600.000.000đồng; đến ngày 12/11/2020 bà H tiếp tục ký giấy vay tiền để vay của bà L thêm số tiền 300.000.000đồng, ngày 17/9/2021 bà H đã ký giấy mượn tiền với tổng số tiền các lần vay là 2.300.000.000đồng. Đây là sự thật không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bà H thống nhất số tiền như Bản án sơ thẩm là tiền vay gốc 2.300.000.000 đồng và tiền lãi tính đến hết tháng 02/2023 là 477.250.000 đồng, tổng số tiền là 2.777.250.000 đồng.

Phía đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị cá thể hóa trách nhiệm dân sự của bà H và ông V, phân chia thực hiện nghĩa vụ riêng lẻ. Theo chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bà H và ông V đã có quyết định ly hôn theo Bản án số 40/2022/HNGĐ – ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông V vẫn vắng mặt không rõ lý do. Xét, ông V và bà H vay của bà L số tiền 2.300.000.000 đồng là khoản tiền vay diễn ra trong thời kỳ hôn nhân, ông V biết rõ các khoản vay trên và ký vào các giấy mượn tiền ngày 21/10/2020; ngày 10/11/2020 và ngày 12/11/2020; tại thời điểm Tòa án đang tiến hành giải quyết vụ việc bà L khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản cũng như việc bà H xin ly hôn ông V vẫn còn sống tại địa phương song ông V vẫn vắng mặt là đương nhiên ông V đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hơn nữa Bản án số 40/2022/HNGĐ – ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước cũng không giải quyết về tài sản chung, nợ chung giữa ông V và bà H.

Như vậy, việc kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Thanh H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ các Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 280, 357 và Điều 463, Điều 466, 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bị đơn ông Trần Hữu V và bà Phan Thị Thanh H phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 2.300.000.000 đồng và tiền lãi tính đến hết tháng 02/2023 là 477.250.000 đồng. Tổng số tiền là 2.777.250.000 đồng.

Ông Trần Hữu V và bà Phan Thị Thanh H còn phải trả cho bà L khoản tiền lãi tính từ tháng 3/2023 trên số nợ gốc chưa trả với mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Hữu V và bà Phan Thị Thanh H phải chịu 87.545.000 đồng (*Tám mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*)

Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0004434, ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Phan Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004849 ngày 14/04/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND TP.Đ;
- Chi cục THADS TP.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Bình